

Bản án số: 60/2024/DS-ST
Ngày: 23-5-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Bé Hai.
- Ông Phạm Phước Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 838/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số A đường C, tổ F, Khóm D, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982.

Chị Lê Thị Á, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số A ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Thanh T có mặt, anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Thị Á vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Ngày 29/01/2019, anh Nguyễn Văn T1 có vay của bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 550.000.000 đồng, thời hạn mượn từ ngày 29/01/2019 đến ngày 01/02/2019 để đáo nợ Ngân hàng cho cha ruột là ông Nguyễn Văn T2 A, bà Võ

Thị H và anh Nguyễn Thanh P. Cùng ngày 29/01/2019, anh T1 tiếp tục vay bà T2 số tiền 20.000.000 đồng để trả tiền vật tư và 50.000.000 đồng để đóng tiền lãi Ngân hàng. Anh T1 có viết biên nhận ngày 29/01/2019 cho bà T2. Khi vay bà T2 và anh T1 có thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng trên tổng số tiền, nhưng không ghi vào biên nhận.

Từ khi vay tiền cho đến nay, anh T1 vẫn chưa trả số tiền vốn và lãi cho bà T2. Bà T2 đã nhiều lần yêu cầu anh T1 và chị Á trả khoản tiền vay cho bà T2 nhưng đến nay anh T1 và chị Á vẫn không trả cho bà T2.

Nay, bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu anh Nguyễn Văn T1, chị Lê Thị Á liên đới trả cho bà T số tiền gốc là 620.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/02/2019 đến ngày 23/5/2024, lãi suất 01%/tháng (05 năm 03 tháng 22 ngày), thành tiền là 395.126.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 1.015.126.000 đồng.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Thị Á đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T1 và chị Á không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 29/01/2019 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T1, chị Lê Thị Ánh cư t tại xã N, huyện C, Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn T1, chị Lê Thị Á được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1, chị Á theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng vay tài sản theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 29/01/2019 giữa bà T và anh T1.

Xét thấy, sau khi thỏa thuận được về số tiền vay, thời hạn vay, bà T và anh

T1 đã xác lập Hợp đồng vay tài sản theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 29/01/2019. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng, bà T và anh T1 có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết Hợp đồng vay tài sản thì bà T và anh T1 đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay tài sản giữa bà T và anh T1 có hiệu lực pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của bà T yêu cầu anh T1, chị A trả số tiền 620.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi triệu đồng).

Xét thấy, theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 29/01/2019 thể hiện bà T đã giao cho anh T1 số tiền là 620.000.000 đồng, giao 03 lần, lần 1 số tiền 550.000.000 đồng, lần 2 số tiền 20.000.000 đồng và lần 3 số tiền 50.000.000 đồng. Theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 29/01/2019 thể hiện có thỏa thuận về thời hạn trả tiền là ngày 01/02/2019. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền theo thỏa thuận anh T1 không thực hiện. Bà T xác định đã nhiều lần yêu cầu anh T1 trả số tiền đã vay trên nhưng anh T1 cứ hẹn mà không trả và cố tình lẩn tránh.

Như vậy, có cơ sở xác định anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà T theo thỏa thuận.

Từ những phân tích nêu trên, bà T yêu cầu anh T1 trả số tiền 620.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 trả số tiền lãi cụ thể như sau:

Tiền lãi tính từ ngày 01/02/2019 đến ngày 23/5/2024 đối với số tiền 620.000.000 đồng, lãi suất 01%/tháng, thành tiền là 395.126.000 đồng.

Xét thấy, khoản vay 620.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay tiền cá nhân ngày 29/01/2019 không thể hiện cụ thể mức lãi suất nhưng có thỏa thuận thời hạn trả là ngày 01/02/2019.

Vì đây là khoản vay không có mức lãi suất cụ thể nên người vay chỉ phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Kể từ ngày 01/02/2019, anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Hợp đồng đã ký kết. Do đó, anh T1 phải chịu mức lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất trong hạn (lãi suất trong hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự), cụ thể là 150% x 10%/năm. Vì vậy, bà T yêu cầu mức lãi suất 01%/tháng là

thấp hơn theo quy định và có lợi cho anh T1 nên chấp nhận.

Như vậy, tiền lãi anh T1 phải trả cho bà T được xác định từ ngày 01/02/2019 đến ngày 23/5/2024, cụ thể là 05 năm 03 tháng 22 ngày, với mức lãi suất 01%/tháng, thành tiền là 395.126.000 đồng.

Về nghĩa vụ liên đới: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc anh T1 vay tiền của bà T thì chị Á biết và đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay của anh T1. Ngoài ra, bà T cũng không chứng minh được anh T1 sử dụng khoản tiền vay để phục vụ cuộc sống chung của gia đình anh T1. Bà T xác định anh T1 vay tiền đảo hạn ngân hàng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Mặt khác, Hợp đồng vay tiền cá nhân ngày 29/01/2024 thể hiện chỉ một mình anh T1 vay và ký tên vào Hợp đồng trên.

Từ những phân tích trên, bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu chị Lê Thị Á liên đới với anh Nguyễn Văn T1 chịu trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn và lãi nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho anh T1, chị Á. Tuy nhiên, anh T1 và chị Á không có Văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T gửi cho Tòa án. Do đó, anh T1 phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay theo yêu cầu của bà T.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 117, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc anh Nguyễn Văn T1 trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 1.015.126.000 đồng (Một tỷ không trăm mười lăm triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu chị Lê Thị Á liên đới trả số tiền 1.015.126.000 đồng (Một tỷ không trăm mười lăm triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.454.000 (Bốn hai triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THA DS huyện Cao Lãnh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng Thanh Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA